

KẾ HOẠCH
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG NĂM 2020

Phần 1: Hướng dẫn thực hiện chương trình

Khi thực hiện chương trình dạy học cần chú ý đến một số vấn đề như sau:

1. Đối với lãnh đạo Bộ môn Tài chính

- Phải nghiên cứu chương trình khung để tổ chức thực hiện đúng yêu cầu về nội dung của chương trình.
- Phân công giảng viên phụ trách từng học phần và cung cấp chương trình chi tiết cho giảng viên để đảm bảo ổn định kế hoạch giảng dạy.
- Chuẩn bị thật kỹ đội ngũ cố vấn học tập, yêu cầu cố vấn học tập phải hiểu căn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn sinh viên đăng ký các học phần.
- Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, cơ sở vật chất, để đảm bảo thực hiện tốt chương trình.
- Cần chú ý đến tính logic của việc truyền đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, quy định các học phần tiên quyết của các học phần bắt buộc và chuẩn bị giảng viên để đáp ứng yêu cầu giảng dạy các học phần tự chọn.

2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều đơn vị học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.
- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên trước một tuần để sinh viên chuẩn bị trước khi lên lớp.
- Tổ chức cho sinh viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn sinh viên làm tiểu luận, đồ án, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành, tại phòng thí nghiệm và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

3. Kiểm tra, đánh giá:

3.1 Thang điểm: Theo hệ thống tín chỉ.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá bộ phận của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:

Loại điểm	Điểm hệ 10	Điểm hệ chữ	Điểm hệ 4
Đạt	9,0 – 10	A+	4,0
	8,5 - 8,9	A	3,5
	8,0 - 8,4	B+	3,1
	7,0 - 7,9	B	2,8
	6,5 - 6,9	C+	2,4
	5,5 - 6,4	C	2,0
	5,0 - 5,4	D+	1,5
	4,0 - 4,9	D	1,0
Không đạt	< 4	F	0

3.2 Kiểm tra, đánh giá

3.2.1 Điểm đánh giá đối với học phần lý thuyết bao gồm:

Điểm kiểm tra thường xuyên (hoặc tiểu luận), điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá bài tập lớn, điểm chuyên cần, điểm thi giữa kỳ và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và phải có trọng số không dưới 50 %.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần được quy định như sau:

a. Đối với những học phần không làm tiểu luận Điểm học phần được tính:

$$- \text{Đ.TKHP} = 60\% \text{Đ.KTHP} + 20\% \text{Đ.GK} + 20\% \text{Đ.TBKTTX}$$

- Đ.TKHP: Điểm tổng kết học phần

- Đ.KTHP: Điểm thi kết thúc học phần (phải ≥ 4 mới tính các điểm khác)

- Đ.GK: Điểm thi giữa kỳ

- Đ.TBKTTX: Điểm trung bình kiểm tra thường xuyên (bao gồm seminar, thảo luận nhỏ, kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút)

b. Đối với những học phần có làm tiểu luận áp dụng hình thức đánh giá như sau:

$$- \text{Đ.TKHP} = 50\% \text{Đ.KTHP} + 20\% \text{Đ.GK} + 30\% \text{Đ.TL}$$

- Đ.TKHP: Điểm tổng kết học phần
- Đ.KTHP: Điểm thi kết thúc học phần (phải ≥ 4 mới tính các điểm thành phần, nếu nhỏ hơn 4 thì điểm tổng kết học phần là điểm F)
- Đ.GK: Điểm thi giữa kỳ
- Đ.TL: Điểm tiểu luận

3.2.2 Đối với học phần có cả lý thuyết và thực hành:

- a. Đối với học phần không có tiểu luận:
 - Điểm lý thuyết (ký hiệu là ĐLT): Là kết quả các điểm thành phần bao gồm điểm điểm giữa kỳ, điểm kết thúc học phần nhân với trọng số của các điểm thành phần.
 - Điểm thực hành (ký hiệu là ĐTH): là trung bình cộng của các bài tập cộng với điểm thi kết thúc thực hành (nếu có) là điểm thường xuyên.
 - Điểm thực hành và điểm lý thuyết phải đạt yêu cầu thì mới được tính điểm tổng kết học phần.
- b. Đối với học phần có tiểu luận:
 - Điểm lý thuyết: bao gồm điểm tiểu luận.
 - Điểm thực hành là trung bình cộng của các bài tập là điểm thường xuyên hay điểm giữa kỳ
 - ĐKTHP của loại học phần này

3.2.3 Đối với học phần chỉ có thực hành: Điểm kết thúc học phần là điểm trung bình cộng của các bài tập điểm thi kết thúc thực hành (nếu có).

3.2.4 Ra đề và cho điểm đánh giá: Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận.

3.2.5 Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần:

1. Cuối học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi để sinh viên thi kết thúc học phần và sinh viên chỉ được thi 01 lần cho một học phần đăng ký.
2. Các trường hợp sau đây sinh viên bị cấm thi và phải nhận điểm 0
 - Vắng mặt trên lớp quá quy định của Nhà trường.
 - Có một trong các điểm quá trình < 4 thang điểm 10 (điểm giữa kỳ, thường xuyên, tiểu luận...)
 - Nợ học phí (sẽ bị cấm thi các điểm quá trình hoặc thành phần)
 - Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng sẽ nhận điểm 0 là điểm thi kết thúc học phần.
3. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi kết thúc học phần, nếu được phê duyệt theo đơn hoãn thi, được dự thi ở kỳ thi bổ sung hoặc thi vào đợt thi sau có học phần đó. Thời gian tổ chức đợt thi bổ sung do phòng Khảo thí quy định. Sinh viên không tham dự kỳ thi bổ sung (nếu có) sẽ nhận điểm 0 là điểm thi kết thúc học phần.

4. Sinh viên chỉ được thi 01 lần cho một lần học

5. Điểm đánh giá học phần và xếp loại theo quy chế đào tạo.

Phần 2: Kế hoạch thực hiện chương trình dạy học năm 2020

Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	HP học trước (a) HP tiên quyết (b)
	Học kỳ 1	12	
	Học phần Bắt buộc	12	
0070057	Phương pháp học đại học (*)	2(2,0,4)	
0070079	Tiếng Anh căn bản 1 (*)	3(3,0,6)	
0070080	Tiếng Anh căn bản 2 (*)	3(3,0,6)	70079(a)
1870086	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	3(2,1,6)	
1870034	Nhập môn ngành tài chính	1(1,0,2)	
1870091	Thị trường tài chính	3(2,1,6)	
0070091	Toán cao cấp	3(3,0,6)	
1870080	Toán tài chính	2(2,0,4)	
	Học phần tự chọn	0	
0070139	Giáo dục thể chất 1 (Aerobic) (*)	1(0,1,2)	
0070141	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chày) (*)	1(0,1,2)	
0070142	Giáo dục thể chất 1 (Bóng đá) (*)	1(0,1,2)	
0070144	Giáo dục thể chất 1 (Cầu lông) (*)	1(0,1,2)	
0070145	Giáo dục thể chất 1 (Dancesport) (*)	1(0,1,2)	
0070143	Giáo dục thể chất 1 (Fitness) (*)	1(0,1,2)	
0070146	Giáo dục thể chất 1 (Võ thuật) (*)	1(0,1,2)	
0070183	Giáo dục thể chất 1 (Thể dục tay không) (*)	1(0,1,2)	
	Học kỳ 2	20	
	Học phần Bắt buộc	16	
1870094	Kinh tế học	2(1,1,4)	
1870024	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3(3,0,6)	0070091(a); 1870086(a)
1770048	Nguyên lý kế toán	3(3,0,6)	
1870047	Tài chính doanh nghiệp P1	3(3,0,6)	1870080(a); 1870086(a)
1870056	Thanh toán quốc tế	2(2,0,4)	
0070181	Tiếng Anh tổng quát 1	3(3,0,6)	0070080(a)

0070007	Giáo dục quốc phòng - An ninh (HP1) (*)	3(3,0,6)	
0070008	Giáo dục quốc phòng - An ninh (HP2) (*)	2(2,0,4)	
0070175	Giáo dục quốc phòng - An ninh (HP3) (*)	1(0,1,2)	
0070176	Giáo dục quốc phòng - An ninh (HP4) (*)	2(0,2,4)	
	Học phần tự chọn	4	
1570015	Hành vi tổ chức	2(2,0,4)	
0070058	Phương pháp tính	2(2,0,4)	0070091 (a)
0070061	Quy hoạch tuyến tính	2(2,0,4)	0070091(a)
1870084	Thị trường chứng khoán	2(1,1,4)	
0070122	Xác suất thống kê	2(2,0,4)	0070091(a)
0070147	Giáo dục thể chất 2 (Aerobic) (*)	1(0,1,2)	
0070149	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chày) (*)	1(0,1,2)	
0070150	Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá) (*)	1(0,1,2)	
0070152	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông) (*)	1(0,1,2)	
0070153	Giáo dục thể chất 2 (Dancesport) (*)	1(0,1,2)	
0070151	Giáo dục thể chất 2 (Fitness) (*)	1(0,1,2)	
0070183	Giáo dục thể chất 2 (Thể dục tay không) (*)	1(0,1,2)	
0070154	Giáo dục thể chất 2 (Võ thuật) (*)	1(0,1,2)	
	Học kỳ 3	19	
	Học phần Bắt buộc	12	
0070177	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý (*)	2(2,0,4)	0070057(b)
1870011	Kinh doanh ngoại hối	2(2,0,4)	1870024 (a) 1870056(a)
1870048	Tài chính doanh nghiệp P2	3(3,0,6)	1870047(a)
1770083	Thực tập chuyên ngành 1	1(0,1,2)	1870024(a)
0070182	Tiếng Anh tổng quát 2	3(3,0,6)	0070181 (a)
00370152	Tin học trình độ A (*)	3(0,2,6)	
1870090	Tin học ứng dụng ngành Tài chính – Ngân hàng	3(1,2,6)	1870024 (a); 0370152(a)
0070135	Thi - Chứng chỉ tin học A (*)	2(1,0,4)	
	Học phần tự chọn	7	
1570025	Kinh tế lượng	3(2,1,6)	

1770052	Nguyên lý thống kê kinh tế	3(3,0,6)	
1870083	Pháp luật về Tài chính - Ngân hàng	2(2,0,4)	1870024(a)
1770093	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2(1,1,4)	
1570079	Quản trị học	2(2,0,4)	
1870039	Quản trị ngân hàng thương mại	2(2,0,4)	1870024(a) 1870056 (a)
1870043	Tài chính công	2(2,0,4)	1870086(a)
1770060	Thống kê kinh doanh	2(2,0,4)	0070091(a); 0070122 (a)
1770072	Thuế ứng dụng	2(2,0,4)	
1570117	Thương mại điện tử	2(1,1,4)	
1870077	Tín dụng ngân hàng	2(2,0,4)	1870024 (a)
	Học kỳ 4	21	
	Học phần Bắt buộc	15	
0070178	Kỹ năng khởi nghiệp (*)	2(2,0,4)	0070057(b); 0070177(b)
1870088	Hệ thống thông tin Tài chính – Ngân hàng	3(1,2,6)	1870024 (a); 1870090 (a)
1870049	Tài chính doanh nghiệp P3	3(3,0,6)	1870048(a)
1870064	Thực hành nghiệp vụ ngân hàng	4(0,4,8)	1870024 (a)
0070076	Tiếng Anh A1	3(3,0,6)	0070182(a)
1870071	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng P.1	2(2,0,4)	0070076(a)
0070156	Giáo dục thể chất 3 (Bơi lội) (*)	1(0,1,2)	
	Học phần tự chọn	6	
1770016	Kế toán ngân hàng	3(3,0,6)	1870024(a); 1770048 (a)
1870087	Quản lý danh mục đầu tư	3(1,2,6)	1870049(a); 1870084(a)
1570063	Quản trị bán hàng	3(3,0,6)	1570079(a)
	Học kỳ 5	19	
	Học phần Bắt buộc	13	
0070034	Kỹ năng phỏng vấn & hồ sơ xin việc (*)	2(2,0,4)	0070057(b); 0070177(b); 0070178(b)
1870051	Tài chính quốc tế	2(2,0,4)	1870056 (a); 1870091(a)

1870054	Thẩm định tín dụng	2(2,0,4)	1870024 (a); 1870091(a)
1870082	Thực tập chuyên ngành 2	1(0,1,2)	1870034(a); 1870083(a)
0070077	Tiếng Anh A2	3(3,0,6)	0070076(a)
1870074	Tiếng Anh chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng P.2	2(2,0,4)	1870071(a); 007077(a)
0070171	Triết học Mác - Lênin	3(3,0,6)	
0070136	Thi - Chứng chỉ tin học B (*)	2(1,0,4)	
00370153	Tin học trình độ B (*)	3(0,2,6)	
	Học phần tự chọn	6	
3370008	Kỹ năng soạn thảo văn bản	3(1,2,6)	
1870085	Phân tích báo cáo tài chính	3(1,2,6)	1770048(a); 1870049(a);
1870089	Thẩm định dự án đầu tư	3(1,2,6)	1870049(a)
	Học kỳ 6	19	
	Học phần Bắt buộc	13	
0070173	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2(2,0,4)	
0070172	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2(2,0,4)	
1870019	Marketing ngân hàng	3(3,0,6)	1870024 (a);
1870093	Quản trị rủi ro tài chính	3(1,2,6)	1870091(a); 1870049(a)
0070078	Tiếng Anh B1	3(3,0,6)	0070077(a)
0070137	Kỹ năng mềm - chuẩn đầu ra (*)	1(1,0,2)	0070057(a); 0070177(a); 0070178(a); 0070034(a)
0070081	Tiếng Anh chuẩn đầu ra (*)	5(2,0,10)	
	Học phần tự chọn	6	
1570142	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh	3(3,0,6)	
1870028	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương	3(3,0,6)	1870024(a)
1870092	Phân tích đầu tư chứng khoán	3(1,2,6)	1870084(a); 1870049(a)
1570066	Quản trị chiến lược	3(3,0,6)	
	Học kỳ 7	9	
	Học phần Bắt buộc	9	
0070051	Pháp luật đại cương	2(2,0,4)	

1870067	Thực tập tốt nghiệp	5(1,0,10)	
0070113	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2(2,0,4)	
	Học kỳ 8	7	
	Học phần Bắt buộc	7	
1870010	Khóa luận tốt nghiệp	5(5,0,10)	
0070174	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2(2,0,4)	
	Các học phần (*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập		

Phần 3: Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình dạy học

STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Môn giảng dạy
1.	Nguyễn Thị Quý	Thạc sĩ	Chủ nghĩa xã hội khoa học
2.	Lê Thanh Phong	Thạc sĩ	Phương pháp tính
3.	Phan Văn Hoàng	Thạc sĩ	Giáo dục thể chất 1
4.	Nguyễn Hoàng Minh	Cử nhân	Giáo dục thể chất 2
5.	Đỗ Minh Giang	Cử nhân	Giáo dục thể chất 3
6.	Trần Thị Minh Ngọc	Thạc sĩ	Hành vi tổ chức
7.	Bùi Thị Yên	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin TCNH
8.	Bùi Thị Yên	Thạc sĩ	Pháp luật về Tài chính – Ngân hàng
9.	Phạm Thị Linh	Thạc sĩ	Tin học ứng dụng ngành TCNH
10.	Nguyễn Thị Thu Hoài	Thạc sĩ	Toán tài chính
11.	Lương Huỳnh Anh Thư	Thạc sĩ	Kế toán ngân hàng
12.	Lê Nguyễn Trung Thiện	Thạc sĩ	Tài chính doanh nghiệp P2
13.	Lê Nguyễn Trung Thiện	Thạc sĩ	Tài chính doanh nghiệp P3
14.	Phạm Thị Mộng Hằng	Thạc sĩ	Giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh
15.	Phạm Thị Mộng Hằng	Thạc sĩ	Quản trị chiến lược

16.	Đoàn Thị Thanh Vân	Thạc sĩ	Quản trị bán hàng
17.	Vũ Thị Thương	Thạc sĩ	Phương pháp nghiên cứu khoa học
18.	Nguyễn Thị Quý	Thạc sĩ	Kinh tế chính trị Mác - Lênin
19.	Trần Đức Thuận	Tiến sĩ	Kinh tế học
20.	Nguyễn Hữu Dũng	Tiến sĩ	Kinh tế lượng
21.	Nguyễn Đình Thuật	Thạc sĩ	Kỹ năng lãnh đạo và quản lý
22.	Nguyễn Đình Thuật	Thạc sĩ	Kỹ năng khởi nghiệp
23.	Vũ Vi Minh Quân	Cao học	Kỹ năng phỏng vấn & hồ sơ xin việc
24.	Đoàn Thị Tuyết	Thạc sĩ	Kỹ năng soạn thảo văn bản
25.	Phạm Thị Hằng	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
26.	Nguyễn Việt Hưng	Tiến sĩ	Tín dụng ngân hàng
27.	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thạc sĩ	Lý thuyết tài chính - tiền tệ
28.	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Thạc sĩ	Thị trường tài chính
29.	Lâm Hải	Thạc sĩ	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại
30.	Đào Thị Hạnh	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán
31.	Nguyễn Hữu Huệ	PGS.TS	Nhập môn ngành tài chính
32.	Đoàn Mạnh Quỳnh	Tiến sĩ	Pháp luật đại cương
33.	Phạm Thị Lĩnh	Thạc sĩ	Nguyên lý thống kê kinh tế
34.	Ngô Mạnh Chính	Tiến sĩ	Tài chính công
35.	Ngô Mạnh Chính	Tiến sĩ	Quản trị ngân hàng thương mại
36.	Phan Ngọc Sơn	Tiến sĩ	Phương pháp học đại học
37.	Vũ Thị Thương	Thạc sĩ	Kinh doanh ngoại hối
38.	Phan Ngọc Sơn	Tiến sĩ	Quản trị học
39.	Nguyễn Thị Thanh Vân	Thạc sĩ	Tài chính doanh nghiệp P1
40.	Nguyễn Minh Thiện	NCS	Tiếng Anh căn bản 1
41.	Nguyễn Minh Thiện	NCS	Tiếng Anh căn bản 2
42.	Nguyễn Văn Đức	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 1

43.	Nguyễn Văn Đức	Thạc sĩ	Tiếng Anh tổng quát 2
44.	Huỳnh Như Yên Nhi	Thạc sĩ	Tiếng Anh A1
45.	Huỳnh Như Yên Nhi	Thạc sĩ	Tiếng Anh A2
46.	Nguyễn Văn Huy	Tiến sĩ	Tiếng Anh B1
47.	Nguyễn Thị Ngọc The	Thạc sĩ	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH P1
48.	Đặng Thị Hương Giang	Thạc sĩ	Tiếng Anh chuyên ngành TCNH P2
49.	Nguyễn Tài Tiệp	Thạc sĩ	Tin học trình độ A
50.	Lê Bình Mỹ	Thạc sĩ	Tin học trình độ B
51.	Vũ Anh Tuấn	Thạc sĩ	Toán cao cấp
52.	Bùi Trung Hưng	PGS.TS	Tư tưởng Hồ Chí Minh
53.	Nguyễn Thị Huệ	Thạc sĩ	Thị trường chứng khoán
54.	Trần Thị Huyền	Thạc sĩ	Thống kê kinh doanh
55.	Trần Thị Huyền	Thạc sĩ	Thuế ứng dụng
56.	Lâm Hải	Thạc sĩ	Thực hành nghiệp vụ ngân hàng
57.	Đào Thị Hạnh	Thạc sĩ	Thanh toán quốc tế
58.	Phạm Đình Sắc	Tiến sĩ	Thương mại điện tử
59.	Bùi Trung Hưng	PGS.TS	Triết học Mác - Lênin
60.	Nguyễn Phương Anh	Thạc sĩ	Quy hoạch tuyến tính
61.	Nguyễn Đức Ánh	Thạc sĩ	Xác suất thống kê
62.	Nguyễn Thị Thu Hoài	Tiến sĩ	Marketing ngân hàng
63.	Nguyễn Thị Huệ	NCS	Quản trị rủi ro tài chính
64.	Nguyễn Ngọc Mỹ	Thạc sĩ	Phân tích và đầu tư chứng khoán
65.	Nguyễn Hữu Dũng	Tiến sĩ	Nghiệp vụ ngân hàng trung ương
66.	Nguyễn Việt Hưng	Tiến sĩ	Phân tích báo cáo tài chính
67.	Lê Thanh Hải	Thạc sĩ	Thẩm định dự án đầu tư
68.	Vũ Thị Thương	Thạc sĩ	Quản lý danh mục đầu tư
69.	Nguyễn Ngọc Mỹ	Thạc sĩ	Tài chính quốc tế

70.	Nguyễn Thị Ngọc The	Thạc sĩ	Thẩm định tín dụng
71.	Lương Huỳnh Anh Thư	Thạc sĩ	Thực tập chuyên ngành 1
72.	Lâm Hải	Thạc sĩ	Thực tập chuyên ngành 2
73.	Nguyễn Hoàng Hưng	NCS	Thực tập tốt nghiệp
74.	Nguyễn Hoàng Hưng	NCS	Khóa luận tốt nghiệp

Phần 4: Cơ sở vật chất thực hiện chương trình dạy học năm 2020

Đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy.

Stt	Phòng học	Số lượng	Ghi chú
1	Lý thuyết	110	
2	Thực hành	10	
3	Ngoại ngữ	14	

Đồng Nai, ngày 04 tháng 8 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TS. Trần Đức Thuận